TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11-11-2019.
Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan

2. Ông Lê Hoàng Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng*:** Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2019/TLST- HNGĐ, ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXX-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐST-NHGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990.

Địa chỉ ấp A, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Tố Ng, sinh năm 1990.

Địa chỉ ấp D, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2019 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Tố Ng (sau đây gọi tắt là chị N, anh Ng) cưới nhau năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 11/5/2012. Vợ chồng chung

sống hạnh phúc được hơn 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, anh Ng nhiều lần có hành vi bạo lực đối với chị N, nên vợ chồng ly thân từ tháng 4/2018 đến nay. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, chị N yêu cầu được ly hôn với anh Ng.

Về con chung: Chị N và anh Ng có 01 người con chung tên Phạm Đăng Khôi, sinh ngày 22/11/2012, giới tính nam (hiện đang sống với anh Ng). Vợ chồng ly hôn chị N đồng ý giao con chung cho anh Ng tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Tố Ng vắng mặt tại phiên tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng bị đơn anh Ng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Bản sao sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị N, bản sao trích lục kết hôn của chị N và anh Ng, bản sao giấy khai sinh tên Phạm Đăng Khôi, đơn xin xác nhận nơi cư trú và đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 17/10/2019.

Bị đơn cung cấp: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn anh Phạm Tố Ng được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Ng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Phạm Tố Ng.

[2]. **Về hôn nhân:** Hôn nhân giữa chị N và anh Ng là hợp pháp. Tại phiên tòa chị N trình bày lý do xin ly hôn là do trong thời gian chung sống vợ chồng phải đi làm công nhân kiếm sống, nhưng tiền lương làm được đều phải đưa cho cha mẹ chồng không được giữ lại, vợ chồng không có tiền tiêu xài. Gia đình chồng tỏ ra khắt khe, khó khăn với chị N trong cuộc sống hằng ngày, anh Ng không cảm thông chia sẽ mà ngược lại còn tỏ ra hằng học, bạo lực gia đình đối với chị N nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2018 đến nay.

Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 07/10/2019, chị N trình bày trong thời gian chung sống chị N và anh Ng thường xảy ra mâu thuẫn, anh Ng nhiều lần bạo lực gia đình đối với chị N. Tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Ng

cũng được Ban lãnh đạo ấp Minh Dũng và UBND xã Minh Thuận xác nhận là đúng.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng chị N kiên quyết xin ly hôn, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh Ng không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX thống nhất cho chị N được ly hôn với anh Ng.

[3]. **Về con chung:** Chị N và anh Ng có 01 người con chung tên Phạm Đăng Khôi, sinh ngày 22/11/2012, hiện anh Ng đang nuôi dưỡng. Tại phiên tòa chị N đồng ý để anh Ng tiếp tục nuôi con. Nhận thấy, hiện nay cháu Khôi còn nhỏ, chưa đủ 07 tuổi. Từ khi chị N và anh Ng ly thân đến nay anh Ng là người nuôi dạy và chăm sóc con chung, hiện tại cháu khôi cũng đang đi học, việc thay đổi người nuôi con có thể ảnh hưởng đến việc học và tâm lý của trẻ nhỏ. Do đó, HĐXX thống nhất giao con chung cho anh Ng tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. **Về chia tài sản chung:** Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] **Về án phí:** Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0002968 ngày 19/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

***Vì các lẽ trên*,**

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N với anh Phạm Tố Ng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Đăng Khôi, sinh ngày 22/11/2012, giới tính nam, cho anh Ng tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX

không xem xét.

4. Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0002968 ngày 19/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu*: *Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh